

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 4 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số: 59/2020/ QH14 thông qua Kỳ họp thứ 9 ngày 17/6/2020, có hiệu lực từ 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên thông qua ngày 27/4/2021;
- Căn cứ vào nội dung biên bản số: 07/2024/BB-ĐHĐCĐ-VMIC ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

**QUYẾT NGHỊ:**

**ĐIỀU 1: Thông qua báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024**

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty cổ phần Công nghiệp Ô tô – Vinacomin với các chỉ tiêu cơ bản sau:

**1. Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2023**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KẾ HOẠCH (Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông 2023)	Thực hiện năm 2023	So sánh %
A	B	C	1	2	3 =2/1
<b>I</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	Tr.đồng	<b>320.000</b>	<b>340.047</b>	<b>106,3</b>
1	Doanh thu cơ khí	Tr.đồng	319.000	339.624	106,5
2	Doanh thu khác	Tr.đồng	1.000	423	42,7
<b>II</b>	<b>Lợi nhuận</b>		<b>6.000</b>	<b>6.001</b>	<b>100</b>
<b>III</b>	<b>Cổ tức</b>	%	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>100</b>
<b>VI</b>	<b>Lao động và tiền lương</b>				
1	Lao động định mức	Người	353	333	94
2	Tổng Quỹ lương	Tr.đồng	47.356	49.528	104,59
3	Tiền lương bình quân tháng	1000đ/ng/ tháng	11.179	12.394	111
4	Đầu tư xây dựng cơ bản thực hiện (KH điều chỉnh: TB 6242/ TKV-ĐT ngày 19/12/2023)	Tr.đ	11.624	3.955	34,37



## 2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024 (TB số: 6439/TKV-KH ngày 26/12/2023)	Ghi chú
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>7</u>
I	<b>Doanh thu</b>	Tr.đ	<b>281.000</b>	
1	Doanh thu sản xuất cơ khí	Tr.đ	280.000	
2	Doanh thu khác	Tr.đ	1.000	
II	<b>Lao động và tiền lương</b>			
	- Lao động bình quân	Người	340	
	- Tiền lương bình quân tháng	1000đ/ng/th	11.647	
III	<b>Lợi nhuận</b>	Tr.đ	<b>5.300</b>	
IV	Cổ tức	%	≥8	
V	<b>Đầu tư xây dựng cơ bản</b> (Thực hiện theo TB số 6381/TKV-ĐT ngày 25/12/2023)	Tỷ đồng	10.256	(Chưa kê KH dự phòng hệ thống PCCC)

Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty trong quá trình triển khai thực hiện SXKD năm 2024, nếu điều kiện thuận lợi về sản xuất và tiêu thụ hoặc khó khăn trong SXKD và tiêu thụ thì được quyền điều chỉnh tăng, giảm các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2024 đảm bảo hiệu quả lợi ích của cổ đông và Công ty.

- Tỷ lệ thông qua: **2.579.199 cổ phần, chiếm 100 % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự họp.**

### **ĐIỀU 2 . Thông qua phương án chi trả cổ tức và trích lập các quỹ năm 2023**

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua phương án chi trả cổ tức, trích lập các quỹ năm 2023 như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2023
			SỐ TIỀN
1	<b>Tổng lợi nhuận</b>	đồng	<b>6.000.902.886</b>
2	<b>Chi phí cộng vào tính thuế TNDN</b>	đồng	<b>295.408.629</b>
3	<b>Lợi nhuận chịu thuế TNDN</b>	đồng	<b>6.296.311.515</b>
4	<b>Thuế thu nhập DN phải nộp (4 = 4.1)</b>	đồng	<b>1.259.262.303</b>
4.1	<i>Thuế thu nhập DN (4.1 = 3 x 20%)</i>	đồng	<i>1.259.262.303</i>
5	<b>Lợi nhuận sau thuế (5 = 1 - 4)</b>	đồng	<b>4.741.640.583</b>
6	<b>Lợi nhuận còn lại phân phối các quỹ, trả cổ tức</b>	đồng	<b>4.741.640.583</b>
7.1	Trả cổ tức (2.700.000 CP x 10.000 x 10%)	đồng	2.700.000.000
	- Chi trả cổ tức cho TKV	đồng	972.227.000
	- Chi trả cổ tức cho Kamaz	đồng	1.016.300.000
	- Chi trả cổ tức - Cty TNHH TMQT Tân Đại Tây Dương	đồng	390.434.000
	- Chi trả các cổ đông tự do	đồng	321.039.000
7.2	Trích lập các quỹ (7.2 = 7 - 7.1)		2.041.640.583
	- Quỹ thưởng ban quản lý điều hành ( 1,5 tháng lương)	đồng	195.775.000
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (còn lại)	đồng	1.845.865.583
	<b>Trong đó:</b>		



	Quỹ phúc lợi	đồng	922.932.792
	Quỹ khen thưởng	đồng	922.932.791

- Tỷ lệ thông qua: **2.579.199** cổ phần, chiếm **100 %** cổ phần có quyền biểu quyết tham dự họp.

**ĐIỀU 3:** Thông qua mức phụ cấp, thù lao, phụ cấp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký công ty và lương của người quản lý (Giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng, trưởng ban kiểm soát) năm 2023 và Dự kiến mức chi trả phụ cấp thù lao, phụ cấp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký công ty và lương của người quản lý (Giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng, trưởng ban kiểm soát) năm 2024

a) Mức thu lao Hội đồng quản trị và phụ cấp, tiền lương ban kiểm soát năm 2023:

- Tổng thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, thư ký công ty và tiền lương Người quản lý; TB. Kiểm soát: 1.999.050.000 đồng.

Trong đó: - Phụ cấp HĐQT, Ban kiểm soát, Thư ký: 432.900.000 đồng

- Tiền lương Viên chức quản lý; TB kiểm soát chuyên trách: 1.566.150.000 đồng.

\*/Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023

	Chức danh quản lý	Số lượng ( người)	Tiền thù lao ( đồng/năm)	Ghi Chú
1	Chủ tịch HĐQT	1	46.260.000	Đ/c Phạm Xuân Phi (06 tháng), Đ/c Bùi Văn Tuấn (03 tháng).
2	UV Hội đồng quản trị	4	201.480.000	
3	Trưởng Ban kiểm soát	1	27.480.000	
3	UV Ban kiểm soát	2	105.120.000	
4	Thư ký công ty	1	52.560.000	
	<b>Cộng</b>		<b>432.900.000</b>	

\*/ Chi trả tiền lương người quản lý, trưởng ban kiểm soát năm 2023:

- Căn cứ quyết định số: 1387/ QĐ-TKV ngày 29/7/2019 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, ban hành mức lương đối cán bộ quản lý và CBCNV; Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty và quyết toán phí với Tập đoàn TKV, tiền lương năm 2023 của người quản lý (Giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng) và ban kiểm soát Công ty:

	Chức danh quản lý	Số lượng ( người)	Tiền lương ( đồng/năm)	Ghi chú
1	Trưởng Ban kiểm soát	1	137.400.000	
2	UV.HĐQT chuyên trách	1	82.125.000	
3	Giám đốc	1	444.600.000	
4	Phó Giám đốc	2	542.025.000	Đ/c Nhất bổ nhiệm 15/8/2023; Đ/c Hùng 12 tháng
5	Kế toán trưởng	1	360.000.000	
	<b>Cộng</b>		<b>1.566.150.000</b>	



b) Dự kiến mức thu lao Hội đồng quản trị và phụ cấp, tiền lương ban kiểm soát năm 2024:

Căn cứ Mục 3, 5; Điều 6, Nghị định số: 53/2016/ NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên HĐQT và BKS; Thực hiện quyết định số: 1387/ QĐ-TKV ngày 29/7/2019 mức chi trả tiền thù lao phụ cấp thành viên Hội đồng quản trị, phụ cấp, tiền lương ban kiểm soát công ty năm 2024 như sau:

TT	Chức danh	Theo QĐ 1387/ QĐ-TKV ngày 29/7/2019	Mức lương, phụ cấp trách nhiệm hàng tháng (VNĐ )
1	Chủ tịch HĐQT	25.700.000	25.700.000 x 20% = 5.140.000 đ/tháng
2	Ủy viên HĐQT (Hưởng lương chuyên trách không tính phụ cấp)	21.900.000	Tiền lương: 21.900.000 đ/tháng (chưa kể phụ cấp khu vực)
3	Ủy viên HĐQT	21.900.000	21.900.000 x 20% = 4.380.000 đ/tháng
4	Trưởng ban kiểm soát	22.900.000	22.900.000 x 20% = 4.580.000 đ/tháng
5	Ủy viên BKS	21.900.000	21.900.000 x 20% = 4.380.000 đ/tháng
6	Thư ký công ty	21.900.000	21.900.000 x 20% = 4.380.000 đ/tháng

**\*/ Dự kiến Chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2024**

*a, Dự kiến Chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2024*

TT	Chức danh quản lý	Số lượng ( người)	Tiền thù lao ( Tháng)	Số tháng	Tiền thù lao ( đ/năm)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	1	5.140.000	12	61.680.000	
2	UV HĐQT	3	4.380.000	12	157.680.000	
3	Trưởng Ban kiểm soát	1	4.580.000	12	54.960.000	
3	UV BKS	2	4.380.000	12	105.120.000	
4	Thư ký công ty	1	4.380.000	12	52.560.000	
	<b>Cộng</b>				<b>432.000.000</b>	

*b, Dự kiến mức lương người quản lý (Giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng) và Ủy viên HĐQT chuyên trách Công ty năm 2024:*

TT	Chức danh	SL ( người)	Lương cơ bản (Theo quyết định số: 1387/ QĐ-TKV ngày 29/7/2019)	TL KH 1 Tháng năm 2023 (Theo thông báo số: 6439/ TKV-KH ngày 26/12/2023)	Quỹ lương KH năm 2024 ( 1.000đ)
1	Giám đốc	1	24.700.000	37.050.000	444.600.000
2	Ủy viên HĐQT chuyên trách	1	21.900.000	32.850.000	394.200.000
3	Phó Giám đốc	2	21.900.000	32.850.000	788.400.000
4	Kế toán trưởng	1	20.000.000	30.000.000	360.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>5</b>	<b>88.500.000</b>	<b>132.750.000</b>	<b>1.987.200.000</b>



Mức tiền lương của người quản lý và trưởng ban kiểm soát theo Thông báo số: 6439/TKV-KH ngày 26/12/2023 của Tập đoàn TKV về thông báo các chỉ tiêu chủ yếu Công ty cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin. Tiền lương năm 2024 Người quản lý và trưởng ban kiểm soát tăng, giảm phụ thuộc kết quả SXKD thực hiện Công ty năm 2024 (Nghị định số: 53/2016/ NĐ-CP ngày 13/6/2016). Tổng thù lao thù lao HĐQT, Ban KS, thư ký kế hoạch (dự kiến) là: 432.000.000 đồng/năm; Tổng tiền lương người viên chức quản lý (dự kiến): 1.987.200.000 đồng/ năm.

Tiền thù lao HĐQT, BKS và lương của viên chức quản lý, trưởng ban kiểm soát chuyên trách được hạch toán vào chi phí sản xuất của doanh nghiệp năm 2024. Được thể hiện thành một mục trong báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

- Tỷ lệ thông qua: **2.579.199** cổ phần, chiếm 100 % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự họp.

**ĐIỀU 4: Báo cáo hoạt động của hội đồng quản trị công ty năm 2023; phương hướng, nhiệm vụ năm 2024.**

Đại hội đã thống nhất thông qua Báo cáo hoạt động của hội đồng quản trị Công ty năm 2023; Phương hướng, nhiệm vụ năm 2024.

- Tỷ lệ thông qua: **2.579.199** cổ phần, chiếm 100 % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự họp.

**ĐIỀU 5: Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Số liệu Báo cáo tài chính năm 2023 đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam kiểm toán; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát; báo cáo BKS về hoạt động của HĐQT và ban điều hành năm 2023.**

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua số liệu báo cáo tài chính năm 2023 đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam, kiểm toán với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

<b>Tổng tài sản:</b>	<b>204.529.745.516</b> đồng
- Tài sản ngắn hạn:	158.850.042.039 đồng
- Tài sản dài hạn:	45.679.703.477 đồng
<b>Tổng nguồn vốn:</b>	<b>204.529.745.516</b> đồng
- Nợ phải trả:	154.096.311.396 đồng
- Vốn chủ sở hữu:	48.622.079.560 đồng
<b>Tổng Doanh thu</b>	<b>339.624.214.788</b> đồng
<i>Trong đó: Doanh thu bán hàng: 339.624.214.788 đồng; Doanh thu tài chính: 5.337.730 đồng; Thu nhập khác: 417.668.651 đồng)</i>	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.000.902.886 đồng
Tổng lợi nhuận sau thuế	4.741.640.583 đồng

- Tỷ lệ thông qua: **2.579.199** cổ phần, chiếm 100 % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự họp..

**ĐIỀU 6: Thông qua danh sách lựa chọn công ty kiểm toán kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 Công ty cổ phần Công nghiệp ô tô - Vinacomin, bao gồm:**

1. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành; Địa chỉ: Số 44 Nguyễn Công Hoan, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.



2. Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA); Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

3. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam; Địa chỉ: Số 147 Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Ban kiểm soát đề xuất trình sau khi Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 biểu quyết thông qua danh sách tổ chức/ công ty kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2024. Đại hội cổ đông giao, ủy quyền HĐQT Công ty lựa chọn 01 Công ty kiểm toán (trong 03 công ty trên) thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của công ty đảm bảo đúng theo quy định.

- Tỷ lệ thông qua: **2.579.199 cổ phần, chiếm 100 % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự họp.**

**ĐIỀU 7: Điều khoản thi hành:**

Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Công nghiệp ô tô – Vinacomin năm 2024 đã được tiến hành công khai, minh bạch và hợp pháp.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật tại Công ty cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin có trách nhiệm tiến hành các công việc được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã Quyết nghị thông qua, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, lợi ích Doanh nghiệp và phù hợp với quy định của Pháp luật. *Am*

**Nơi nhận:**

- UBCKNN, Sở GDCKHN (B/c);
- Trung tâm LKCKVN (B/c);
- Tập đoàn TKV (B/c);
- Các cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Thành viên Ban GD, KTT;
- Ủy ban quản lý Vốn Nhà nước. TKV
- Đăng Website Cty, Lưu VT, HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**



**Bùi Văn Tuấn**